TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **179**/2024/HS-ST
Ngày 06-9-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hành.

Ông Phạm Thế Ngọc (giáo viên nghỉ hưu).

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 170/2024/ TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2024 đối với:

Bị cáo: **T.Q.M**, sinh năm 20... tại thành phố Hà Nội. Nơi thường trú: Lô C, Tổ ..., phường H, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở: Không cố định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.V.P1 (chết) và bà T.T.T.T; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai; tiền án: Ngày 10/11/2023, bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 28/5/2024, tạm giam từ ngày 06/6/2024; danh chỉ bản số 385, lập ngày 06/6/2024 tại Công an huyện Thanh Trì. Hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị hại: Cháu C.T.V, sinh ngày …/…/2008. Nơi thường trú: Xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. *Vắng mặt* .

Người đại diện hợp pháp của cháu V: Bà H.M.H1 - Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện Thanh Trì. *Có mặt tại phiên tòa.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đ.X.P2, sinh năm 20…. Nơi thường trú: Xóm 4, xã Â, huyện K, tỉnh Ninh Bình. *Xin vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T.Q.M và cháu C.T.V (sinh ngày …/…/2008, nơi thường trú: Xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái) là nhân viên quán "Dê hồn nhiên", có địa chỉ tại xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội. Tối ngày 25/5/2024, M và cháu V ngủ chung trong phòng ngủ tại quán "Dê hồn nhiên". Khoảng 06 giờ ngày 26/5/2024, M ngủ dậy, phát hiện thấy chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A54, màu xanh đen của cháu V để cạnh chỗ cháu V nằm, M đã nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại của cháu V để đem đi bán lấy tiền tiêu sài. M cúi xuống dùng tay trái lấy trộm chiếc điện thoại và để vào trong túi quần bên trái. Sau đó, M đi ra khỏi quán "Dê hồn nhiên", đi bộ đến khu vực Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội để tìm cửa hàng bán điện thoại. Đến 10 giờ cùng ngày, M đi đến cửa hàng điện thoại Trấn Thành Mobile (số …, phố Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội), thì gặp anh Đ.X.P2 (sinh năm 20…, nơi thường trú: Xã Â, huyện K, tỉnh Ninh Bình) là nhân viên quán đang ngồi ở quán, M trao đổi và bán chiếc điện thoại M vừa trộm cắp được với giá 300.000 đồng. Sau khi bán điện thoại, M đi lang thang và sử dụng số tiền trên để tiêu sài cá nhân hết. Còn chiếc sim trong điện thoại, M đã tháo ra, cất trong túi quần, thì bị rơi mất nên không thu hồi được.

Ngày 28/05/2024, cháu C.T.V đến Công an xã Đại Áng trình báo sự việc. Cùng ngày 28/05/2024, T.Q.M đến Công an xã Đại Áng đầu thú và khai nhận toàn bộ sự việc trên. Công an xã Đại Áng đã dẫn giải M đi chỉ ra được cửa hàng điện thoại Trấn Thành Mobile (số 168, phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội) nơi M đã bán chiếc điện thoại nhưng không thu hồi được chiếc điện thoại.

Ngày 30/5/2024, Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá tài sản đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A54/128Gb, màu xanh đen đã qua sử dụng, có gắn sim số 0389.709.854. Tại Kết luận định giá tài sản số 75/KL-HĐĐGTS ngày 03/6/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: *"01 điện thoại di động OPPO A54/128Gb, màu xanh đen, đã qua sử dụng có giá trị 2.100.000 đồng. 01 sim điện thoại Viettel số 0389.709.854, đã qua sử dụng có giá trị 50.000 đồng".*

Anh Đ.X.P2 mua chiếc điện thoại của M nhưng không biết việc M trộm cắp tài sản mà có. Ngày 27/5/2024, anh P2 đã bán chiếc điện thoại OPPO A54, màu xanh đen trên với giá 700.000 đồng cho khách hàng không quen biết, nên Cơ

quan điều tra không thu được chiếc điện thoại và cũng không xử lý đối với anh P2 về việc mua bán điện thoại. Đối với số tiền 400.000 đồng anh P2 thu lợi từ việc bán chiếc điện thoại, cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

Về dân sự: Cháu C.T.V yêu cầu T.Q.M bồi thường số tiền 2.150.000 đồng là trị giá chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu OPPO A54/128Gb, màu xanh đen và sim điện thoại số 0389.709.854.

Tại Cáo trạng số 167/CT-VKSTT ngày 08/8/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố T.Q.M về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ nhất, cháu C.T.V, bà H.T.H2 (mẹ đẻ của cháu V) vắng mặt không có lý do, ông C.V.C (bố đẻ của cháu V), anh Đ.X.P2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã đề nghị Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện Thanh Trì cử bà H.M.H1 - Phó Bí thư làm người đại diện hợp pháp của cháu V. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cháu V, bố mẹ đẻ của cháu V và anh P2. Tại phiên tòa, bị cáo M khai đã thực hiện hành vi như Cáo trạng truy tố, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, i khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T.Q.M mức án từ 10 tháng đến 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù chưa chấp hành, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 16 đến 18 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 2.150.000 đồng. Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng mà anh Phú hưởng lợi từ việc bán lại điện thoại mua của bị cáo. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Trì, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại

về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo T.Q.M tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 26/5/2024, tại phòng ngủ của quán "Dê hồn nhiên" ở xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội, T.Q.M đã trộm cắp của cháu C.T.V 01 điện thoại OPPO A54/128Gb, màu xanh đen đã qua sử dụng, lắp sim số 0389.709.854 có tổng trị giá 2.150.000 đồng. Sau khi trộm cắp, M mang đi bán được 300.000 đồng và ăn tiêu hết. Hiện tài sản không thu hồi được. Hành vi của M đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố và kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo và đầu thú, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý và đối với người dưới 16 tuổi, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định: *"Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"*. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách 12 tháng theo quyết định tại Bản án số 345/2023/HS-ST ngày 10/11/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, nên căn cứ vào khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 06 tháng tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Tuy nhiên, do bị cáo không có nghề nghiệp, tài sản, nên Tòa án không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu OPPO A54/128Gb, màu xanh đen và sim điện thoại số 0389.709.854 trị giá 2.150.000 đồng là tài sản của cháu C.T.V bị T.Q.M chiếm đoạt, không thu hồi được, nên buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho cháu V số tiền 2.150.000 đồng.

[8] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với số tiền 400.000 đồng do anh Đ.X.P2 thu lợi từ việc bán lại chiếc điện thoại mua của T.Q.M: Anh P2 không biết điện thoại do M trộm cắp của cháu C.T.V mà có, hành vi của anh P2 không cấu thành tội phạm, nên Tòa án không áp dụng biện pháp tư pháp tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo T.Q.M phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt T.Q.M 10 (Mười) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng theo quyết định tại Bản án số 345/2023/HS-ST ngày 10/11/2023 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/5/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 62 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc T.Q.M phải bồi thường thiệt hại cho cháu C.T.V số tiền 2.150.000đ (Hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo T.Q.M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Bị cáo T.Q.M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại là cháu C.T.V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đ.X.P2 có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam